**Phụ lục III**

*(Kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ)*

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA  
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi................ (Tên Cơ quan kiểm tra)…………………

Người nhập khẩu: ......................................................................................................

Địa chỉ: ......................................................................................................................

Điện thoại: ……………………Fax: …………………….Email: ............................

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại** | **Đặc tính kỹ thuật** | **Xuất xứ, nhà sản xuất** | **Khối lượng/ số lượng** | **Cửa khẩu nhập** | **Thời gian nhập khẩu** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Địa chỉ tập kết hàng hóa: .........................................................................................

Hồ sơ nhập khẩu gồm: .............................................................................................

Hợp đồng (Contract) số: ..........................................................................................

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có): .........................................................

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: .....................

do …………….Tổ chức ………………..cấp ngày: …../……/…….tại: ...............

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số: ………………do Tổ chức chứng nhận: …………..cấp ngày: …./.../…… tại: ………………………………………..

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số: ................................................................................

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số: . ....................................................................

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) số: ................................................................

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số: .............................................................

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có) số: ................................................

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật………………. và tiêu chuẩn công bố áp dụng .................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)** Vào sổ đăng ký: Số.../(Tên viết tắt của CQKT)  *…….ngày... tháng ... năm 20... (Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng dấu)* | *…….ngày... tháng ... năm 20...* **(NGƯỜI NHẬP KHẨU)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)*

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| (TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /(CQKT) | *…….…., ngày … tháng … năm 20…* |

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ****ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HẠNG MỤC KIỂM TRA** | **Có/Không** | | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không** |
| 1 | Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. | □ | □ |  |
| 2 | Hợp đồng (Contract) (bản sao). | □ | □ |  |
| 3 | Danh Mục hàng hóa (Packing list) kèm theo hợp đồng (bản sao). | □ | □ |  |
| 4 | Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng | □ | □ |  |
|  | 4.1. Giấy chứng nhận hợp quy | □ | □ |  |
|  | 4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng | □ | □ |  |
|  | 4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng | □ | □ |  |
|  | 4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng | □ | □ |  |
| 5 | Hóa đơn (Invoice) | □ | □ |  |
| 6 | Vận đơn (Bill of Lading) | □ | □ |  |
| 7 | Tờ khai hàng hóa nhập khẩu | □ | □ |  |
| 8 | Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O-Certificate of Origin) | □ | □ |  |
| 9 | Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa | □ | □ |  |
| 10 | Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS | □ | □ |  |
| 11 | Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy | □ | □ |  |
| 12 | Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định). | □ | □ |  |

**KẾT LUẬN**

□ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

□ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các Mục:………. trong thời gian 15 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NỘP HỒ SƠ** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |